

Bản án số: 105/2021/HS-ST
Ngày: 25/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Mai Thị Tiếp

2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Thuận - Kió m s , t vi^an.

Ngày 25/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử C khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Vi Văn D - Sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Bản M, xã H M, huyện S Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề Nệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Vi Đại N (đã chết) và bà Phạm Thị N, Vợ: Lữ Thị N; và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2012 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2020, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/7/2020, Vi Văn D điều khiển xe mô tô BKS: 36L5-0445 đến bến xe Phía Tây thành phố T gặp một người đàn ông không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ hỏi mua 10 viên hồng phiến đựng trong túi ni lông màu trắng với giá là 700.000 đồng (D không mở túi ni lông ra kiểm tra, đếm số lượng hồng phiến). D cầm ma túy trên tay rồi điều khiển xe mô tô đi về. Trên đường về, D dừng xe ở dọc đường, lấy 02 viên hồng phiến ra sử dụng, số còn lại D gói trong túi ni lông màu trắng,

cất giấu trong túi quần bên trái rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về. Đến khoảng 20 giờ 40 phút, khi về đến ngã tư đèn xanh đèn đỏ thuộc xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa thì gặp tổ C tác phòng PK02 C an tỉnh Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ. Thấy D có nhiều biểu hiện N vấn nên tổ C tác đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Do lo sợ, D đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy, khi chạy đến trước cổng xưởng gỗ của gia đình anh Hoàng Đình C thuộc thôn T, xã Đ, thành phố T, D bỏ xe bên ngoài cổng rồi chạy bộ vào bên trong xưởng gỗ. Vừa chạy D vừa dùng tay móc trong túi quần bên trái 01 gói ma túy ném xuống đất, rồi tiếp tục bỏ chạy sâu vào bên trong xưởng gỗ, chạy được khoảng 20m thì bị tổ công tác khống chế bắt giữ và yêu cầu D quay lại vị trí đã ném gói ma túy.

Tại vị trí dưới đất phía trong cách cổng xưởng gỗ khoảng 1m phát hiện thu giữ 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa 09 viên nén hình trụ tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu chữ WY. Cách vị trí túi ni lông màu trắng khoảng 1 m, phát hiện và thu giữ 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 180 viên nén, hình trụ tròn (trong đó có 178 viên màu hồng, 02 viên màu xanh) và 01 gói giấy được gói bên ngoài lớp băng keo màu đen, bên trong chứa chất bột màu trắng. Ngoài ra Tổ C tác còn tạm giữ của D 01 xe mô tô BKS 36L5-0445; 01 điện thoại di động hiệu Appo, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 1.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, D khai nhận túi nilon màu trắng chứa 09 viên nén hình trụ, màu hồng là ma túy hồng phiến của D, mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bến xe phía tây, mục đích để sử dụng cho bản thân. Còn túi nilon màu xanh chứa 180 viên nén hình trụ tròn và 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng không phải của D và D cũng không biết là của ai.

Đối với chiếc xe máy BKS 36L5 – 0445 D dùng để thực hiện hành vi phạm tội, theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, xác định đây là xe của chị Lữ Thị N (sinh năm 1988 có địa chỉ tại Bản M, xã H M, huyện S Q, tỉnh Thanh Hóa, là vợ D). Khi D lấy xe đi, chị N không biết việc D dùng xe để đi mua ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Số tiền 1.000.000đ D khai là tiền của D do lao động mà có; 02 chiếc điện thoại Nokia và Oppo là của D dùng để liên lạc với mọi người, không liên S đến việc phạm tội.

Tại bản Kết luận giám định số 1998/PC09 ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 09 viên nén hình trụ tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,949g, loại: Methamphetamine.

- 178 viên màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng là 18,617g, loại: Methamphetamine.

- 02 viên màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu là M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,216g, loại: Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,010g, loại: heroine” (đã dùng hết cho giám định)

Ngày 21/7/2020 Cơ S CSĐT C an tỉnh Thanh Hóa đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thanh Hóa giám định dấu vết đường vân trên 01 túi nilon màu xanh

và 01 gói giấy được bọc bên ngoài bằng lớp băng keo màu đen với dấu vân tay của Vi Văn D.

Tại bản kết luận giám định số 2241/PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: “Trên các mẫu vật gửi giám định phát hiện được 03 (ba) dấu vết đường vân không đủ yếu tố giám định”.

Đối với người đàn ông D khai đã bán ma túy cho D, quá trình điều tra D khai không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở xác minh xử lý.

Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định Vi Văn D tàng trữ 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 09 viên nén hình trụ, màu hồng là ma túy, có tổng khối lượng là 0,949g (không phải chín bốn chín gam), loại: Methamphetamine.

Đối với 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 180 viên nén, hình trụ tròn và 01 gói giấy bên trong chứa chất bột màu trắng là ma túy, không có cơ sở chứng minh là của D và cũng chưa chứng minh được là của ai nên Cơ S cảnh sát điều tra C an thành phố Thanh Hóa đã tách một phần vụ án và tách vật chứng để tiếp tục điều tra xác minh.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKSTP ngày 24/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá đã truy tố Vi Văn D về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Mức hình phạt VKS đề nghị đối với bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Ngoài ra VKS còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ S tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 20h40' ngày 20/7/2020 tại khu vực bên trong công xưởng gỗ của gia đình anh Hoàng Đình C thuộc thôn T, xã Đ, thành phố T, Tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang Vi Văn D có hành vi tàng trữ 0,949 gam loại: Methamphetamine.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ S điều, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của Vi Văn D có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS như cáo trạng của VKSND thành phố T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hiện nay, tệ nạn ma túy đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Là một trong những tác nhân gây lây lan căn bệnh HIV/AIDS, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của giống nòi. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Vì vậy tính chất vụ án là Nêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý Nêm minh.

Bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu của Mh mà lao vào con đường phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Có bố để tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào nhân thân, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tính chất Nêm trọng của tội phạm ma túy, cần áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thanh Hóa, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T là vật nhà nước cấm lưu hành, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy YAMAHA BKS 26L5 – 0445 bị cáo dùng để đi mua ma túy, là xe của chị Lữ Thị N (vợ D), chị N không biết việc D dùng xe máy để đi mua ma túy, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho chị Lữ Thị N.

Đối với số tiền 1.000.000đ là tiền của bị cáo do lao động mà có được và 01 điện thoại Nokia, màu đen, 01 điện thoại Oppo của bị cáo, không liên S đến việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Vi Văn D 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2020.

Vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đựng trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu T1 của phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thanh Hóa, có hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự, kèm theo chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trần Đăng, Mai Đình Bình, Lê Đình Vinh, Lưu Bình Nguyên, Đinh Thị Mai Thanh.

- Trả lại cho chị Lữ Thị N 01 xe máy YAMAHA, màu Q đỏ - đen, Biển kiểm soát 36L5 – 0445; số khung: B2105Y003867, số máy: 4B21003867; xe không có gương chiếu hậu, mặt nạ trước của xe bị bong.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng), đã nộp vào tài khoản 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Model: TA – 1203; 01 điện thoại di động OPPO, mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh + tím.

Hiện số vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 86/THA ngày 20/01/2021 giữa công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- C an TPTH;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Tiếp Nguyễn Thị Thuởng

Trương Thị Quỳnh

Hội thẩm nhân dân	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
-------------------	-----------------	-------------------------------

